

Bản án số: 105/2021/HS-ST

Ngày: 07-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Q;
2. Bà Hồ Thị Lệ T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy L - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 96/2021/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-HS ngày 26/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2021/QĐST-HS ngày 24/9/2021, thông báo dời ngày xét xử ngày 20/10/2021 và ngày 23/11/2021 đối với bị cáo:

Trần Duy B, sinh năm 1993 tại Trà Vinh; nơi đang ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Long An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; họ và tên cha: Trần Văn L (chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Anh chị em: 02 người (lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993); Vợ: Nguyễn Ánh N, sinh năm 1995; Con: 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 60/18A đường Lâm Văn Bền, Khu phố 4, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Minh T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 230/42 đường Đ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Trịnh Mạnh H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 129/45/10 Khu phố K, phường H, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Đinh Văn D, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp A, xã F, huyện G, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Ánh N, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp A, xã F, huyện G, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 07/02/2021, Trần Duy B điều khiển xe máy hiệu Honda Blade biển số 59G2-061.87 đi từ ấp 1, xã L, huyện G, tỉnh Long An tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi B đến ngã ba đường Z- đường T, Quận 7 thì nhìn thấy ông Đặng Minh T2 điều khiển xe máy biển số 59C3-034.62, chở bà Nguyễn Thị Ngọc T ngồi phía sau. Bà T đeo túi xách màu trắng bên vai phải nên B nảy sinh ý định cướp giật túi xách của bà T. B đi theo xe của bà T. Khi đến trước địa chỉ 203 đường Z, phường B, Quận 7, B áp sát bên phải xe của bà T, dùng tay trái giật túi xách của bà T, bên trong có 01 sạc dự phòng, 01 tai nghe không dây, 01 chai kem dưỡng da. Trong lúc giật túi xách, B té ngã và bị quần chúng bắt giữ, giao Công an phường B Thuận xử lý cùng vật chứng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Trần Duy B khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án:

- 01 túi xách màu trắng, dây đeo kim loại màu vàng.
- 01 sạc dự phòng.
- 01 tai nghe không dây Airpod màu trắng.
- 01 chai kem dưỡng da.

Là những tài sản của bà T, bị B cướp giật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7, kết luận: 01 cục sạc dự phòng màu vàng đã qua sử dụng, có giá trị 20.000 đồng; 01 tai nghe hiệu Airpod màu trắng số seri FWYSBN61H8TS, đã qua sử dụng, có giá trị 400.000 đồng; 01 túi xách màu trắng không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, có giá trị 100.000 đồng, 01 chai kem dưỡng da hiệu Snowwhite Milky Pack đã sử dụng gần hết nên không còn giá trị mua bán.

- 01 điện thoại hiệu REDMI màu xám, của Trần Duy B.

- 01 xe máy hiệu Honda Blade, biển số 59G2-061.87, số khung: RLHJA3612EY115050, số máy: JA36E-0196738. Qua xác minh, xe do ông Trịnh Mạnh H đứng tên chủ sở hữu. Ông H bán xe cho Đinh Văn D (sinh năm 2004, em vợ Trần Duy B), không làm thủ tục sang tên. Vì D chưa đủ 18 tuổi nên D nhờ bà Nguyễn Ánh N (vợ B) đứng tên trên hợp đồng ủy quyền giữa ông H và bà N. D để xe ở nhà, việc B lấy xe để cướp giật tài sản, D không biết.

Về dân sự: Người bị hại là bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKSQ7 ngày 28/6/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù giam.

Xử lý vật chứng:

- 01 túi xách màu trắng, dây đeo kim loại màu vàng.
- 01 sạc dự phòng.
- 01 tai nghe không dây Airpod màu trắng.
- 01 chai kem dưỡng da.

Là những tài sản của bà T, bị B cướp giật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc T, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét;

Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại hiệu Redmi, màu xám (cũ, đã qua sử dụng);

Đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Ánh N 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại: Blade, Biển số 59G2-061.87, số khung: RLHJA3612EY115050, số máy: JA36E0196738.

Bị cáo khai báo về hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, căn cứ kết luận định giá tài sản số 258/KL-HĐĐGTTHS ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7 có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã thực hiện thực hiện hành vi sử dụng xe máy, là thủ đoạn nguy hiểm, áp sát bất ngờ chiếm đoạt tài sản là túi xách của bà Nguyễn Thị Ngọc T, bên trong có 01 sạc dự phòng, 01 tai nghe không dây, 01 chai kem dưỡng da, rồi nhanh chóng tẩu thoát, tài sản bị chiếm đoạt có tổng giá trị 520.000 đồng. Hành vi của bị cáo cấu thành

tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của công dân, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác đang lưu thông trên đường; ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội.

[4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt thu hồi trả cho người bị hại, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, do vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định Điểm h, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 túi xách màu trắng, dây đeo kim loại màu vàng.
- 01 sạc dự phòng.
- 01 tai nghe không dây Airpod màu trắng.
- 01 chai kem dưỡng da.

Là những tài sản của bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại tài sản trên cho bị hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 điện thoại hiệu REDMI màu xám, của bị cáo, không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo.

- 01 xe máy hiệu Honda Blade, biển số 59G2-061.87, số khung: RLHJA3612EY115050, số máy: JA36E-0196738. Qua xác minh, xe do ông Trịnh Mạnh H đứng tên chủ sở hữu. Ông H bán xe cho Đinh Văn D (em vợ Trần Duy B), không làm thủ tục sang tên, vì D chưa đủ 18 tuổi nên D nhờ bà Nguyễn Ánh N (vợ B) đứng tên trên hợp đồng ủy quyền giữa ông H và bà N, D để xe ở nhà, việc B lấy xe để cướp giật tài sản, D và bà N không biết, nên trả lại cho bà N.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, nên, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Duy B phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm h, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Duy B 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 07/02/2021

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại hiệu Redmi, màu xám (cũ, đã qua sử dụng);

Trả lại cho bà Nguyễn Ánh N 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại: Blade, màu đen, biển số 59G2-061.87, số khung: RLHJA3612EY115050, số máy: JA36E0196738.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 97 ngày 08/6/2021)

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ (Loan).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thị Như H